

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 9 năm 2020

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Khởi

2. Bà Trần Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 435/2020/ HNGĐ-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 về việc “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 751/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Việt L, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Hẻm 55A, đường K, khóm 7, phường 6, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Hồ Thoại M, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, khóm 3, phường 6, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Anh Nguyễn Việt L trình bày tại đơn khởi kiện và phiên tòa như sau:*

Về hôn nhân: Anh và chị Hồ Thoại M chung sống với nhau vào năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Cà Mau. Trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nguyên nhân do bất đồng về cuộc sống, từ đó dẫn đến đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên anh và chị M đã ly thân hơn 03 tháng nay. Hiện anh không còn tình cảm với chị M nên anh yêu cầu xin ly hôn với chị M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị M có 01 con chung tên Nguyễn Thành V, sinh ngày 27/7/2018 hiện con đang sống cùng với anh. Nay khi ly hôn anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh khai vợ chồng không có nợ chung và cũng không ai nợ lại.

Đối với chị Hồ Thoại M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng chị M vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa anh Nguyễn Việt L và chị Hồ Thoại M được xác định là tranh chấp về ly hôn, chị M có địa chỉ cư trú tại khóm 3, phường 6, thành phố M nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Chị Hồ Thoại M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập xét xử lần thứ hai theo quy định nhưng chị M vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, anh Nguyễn Việt L và chị Hồ Thoại M xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Cà Mau theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Hiện anh L yêu cầu xin ly hôn với chị M. Theo lời trình bày của anh L tại phiên tòa do vợ chồng sống không hợp nhau, và có nhiều mâu thuẫn, nên anh chị đã ly thân khoảng 03 tháng nay. Đồng thời, trong suốt thời gian anh L yêu cầu ly hôn tại Tòa án thì chị M không đến Tòa án để hòa giải cũng như không gửi ý kiến của mình cho Tòa án, điều đó chứng tỏ chị M cũng không có ý thức hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung giữa anh L và chị M mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện anh L và chị M đã ly thân, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không ai quan tâm chăm sóc ai. Do đó, có cơ sở chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của anh L về việc xin ly hôn với chị M.

[3] Về con chung, giữa anh Nguyễn Việt L và chị Hồ Thoại M có 01 con chung tên Nguyễn Thành V, sinh ngày 27/7/2018 hiện con đang sống cùng với anh L. Khi ly hôn anh L yêu cầu nuôi cháu V. Xét thấy, từ khi anh L và chị M ly thân đến nay cháu V do anh L trực tiếp chăm sóc, hiện theo anh L chị M không có chỗ ở ổn định và công việc để có thể chăm sóc con chung. Đồng thời, chị M cũng không có gửi ý kiến đến Tòa án về việc nuôi con chung. Cho nên để tránh sự xáo trộn tâm lý của cháu V tiếp tục giao cháu V cho anh L trực tiếp chăm sóc là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con anh L không đặt ra nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị M có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Anh L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Anh L khai anh và chị M không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 207, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Việt L về việc xin ly hôn với chị Hồ Thoại M.

Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Thành V, sinh ngày 27/7/2018 hiện đang sống cùng anh L cho anh L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Chị M có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung; nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, anh Nguyễn Việt L phải chịu. Anh L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0002232 vào ngày 30/7/2020, được đối trừ, anh L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Cà Mau;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Toà án Tp Cà Mau.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Kim Cương